

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DS - PT.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022

*“V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản”.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hà Giang;

*Các Thẩm phán:* Bà Điều Thị Bích Lược;

Ông Nguyễn Anh Tuấn.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2022/TLPT - DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc *“Tranh chấp về thừa kế tài sản”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2022/QĐPT - DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976. (Có mặt).

HKTT: Khu 2, xã Chu H, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 9, xã Thạch S, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Bùi Thị Th, sinh năm 1948. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Minh T, xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ.

3. Anh Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1983(vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 17, xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ.

(Bà Bùi Thị Th, chị Nguyễn Thị L, anh Bùi Thị Kim Th đều ủy quyền cho chị Nguyễn Thị L theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/6/2022).

**Người làm chứng:** Chị Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

**Người kháng cáo:** Anh Nguyễn Văn T – Bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 22/3/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Bố đẻ chị L là ông Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1948, chết năm 2014; mẹ đẻ chị L là bà Bùi Thị Th, sinh năm 1948. Bố mẹ chị có 04 người con chung gồm:

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu 2, xã Chu H, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; HKTT: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; HKTT: Khu Minh T, xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1983; HKTT: Khu 17, xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ.

Ngoài ra bố mẹ chị không có con chung, con nuôi, con riêng nào. Bố, mẹ đẻ của ông T đã chết từ lâu và ông T không có cha nuôi, mẹ nuôi nào khác.

Lúc bố chị còn sống, bố mẹ chị có tài sản chung là thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ và thửa đất số 166, tờ bản đồ số 46, diện tích 360m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Năm 2014, bố chị chết không để lại di chúc.

Ngày 27/01/2022, chị cùng mẹ chị và tất cả các anh em trong gia đình thống nhất sang tên thửa đất số 166, tờ bản đồ số 46, diện tích 360m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ cho anh Nguyễn Văn T (được lập thành văn bản có chữ ký của mẹ chị và tất cả các anh chị em) và sang tên thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ cho chị và chị Nguyễn Thị L (được lập thành văn bản có chữ ký của mẹ chị và tất cả các anh chị em).

Ngày 04/3/2022, anh Nguyễn Văn T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 46, diện tích 360m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ đứng tên anh Nguyễn Văn T. Sau khi anh T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh T lại không đồng ý ký để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ cho chị và chị L mà lại đòi chia thừa kế.

Nay chị Nguyễn Thị L yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Về tài sản trên đất: 01 chuồng trại chăn nuôi; 02 cây bưởi; 02 cây mít là do anh T xây dựng và trồng trên đất của bố mẹ chị, chị đề nghị anh T phải tháo dỡ và di chuyển.

**Ý kiến của bị đơn:** Tại các lời khai trong biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa Anh Nguyễn Văn T trình bày:

Bố anh là ông Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1948, mẹ tôi là bà Bùi Thị Th, sinh năm 1947. Bố mẹ tôi có 04 người con gồm:

- Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu 2, xã Chu H, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ;

- Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ;

- Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu Minh T, xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ.

- Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu 17, xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ.

Ngoài ra bố mẹ anh không có con chung, con nuôi, con riêng nào. Bố, mẹ đẻ của ông T đã chết từ lâu và ông T không có cha nuôi, mẹ nuôi nào khác.

Lúc sinh thời bố mẹ anh được quyền sử dụng thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ; được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014 đứng tên hộ bà Bùi Thị Th. Năm 2014, bố anh chết và không để lại di chúc.

Nay chị L yêu cầu chia di sản thừa kế của bố tôi để lại thì tôi không nhất trí chia, mà để lại sau này làm nơi thờ cúng bố mẹ, tổ tiên. Ngoài ra anh không đề nghị gì khác.

Về tài sản trên đất: 01 chuồng trại chăn nuôi; 02 cây bưởi; 02 cây mít là do một mình anh xây dựng và trồng, vợ anh không liên quan đến các tài sản này.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Bùi Thị Th.

Tại lời khai và tại phiên toà bà Bùi Thị Th trình bày:

Chồng bà là Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1948, chết năm 2014. Vợ chồng bà có 04 người con chung gồm:

1 Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; HKTT: Khu 2, xã Chu H, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

2 Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; HKTT: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

3 Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; HKTT: Khu Minh T, xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ.

4 Anh Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1983; HKTT: Khu 17, xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ.

Ngoài ra vợ chồng bà không có con chung, con nuôi, con riêng nào. Bố, mẹ đẻ của ông T đã chết từ lâu và ông T không có cha nuôi, mẹ nuôi nào khác.

Lúc ông T còn sống, bà và ông T có tài sản chung là thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ và thửa đất số 166, tờ bản đồ số 46, diện tích 360m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Năm 2014, ông Bùi Thị Kim Th chết không để lại di chúc.

Ngày 27/01/2022, tôi cùng tất cả các con thống nhất sang tên thửa đất số 166, tờ bản đồ số 46, diện tích 360m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ cho anh Nguyễn Văn T (được lập thành văn bản có chữ ký của tôi và tất cả các con) và sang tên thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ cho chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị L (được lập thành văn bản có chữ ký của tôi và tất cả các con).

Ngày 04/3/2022, anh Nguyễn Văn T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 46, diện tích 360m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ đứng tên anh Nguyễn Văn T. Sau khi anh T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh T lại không đồng ý ký để làm thủ tục sang tên quyền sử dụng thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ cho chị L và chị L mà lại đòi chia thừa kế.

Nay chị Nguyễn Thị L yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật thì bà nhất trí. Đối với phần di sản thừa kế mà bà được hưởng và phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà thì bà đề nghị giao cho chị Nguyễn Thị L sử dụng.

Đối với thửa đất số 166, tờ bản đồ số 46, diện tích 360m<sup>2</sup>, địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ, bà cùng các con đã thống nhất sang tên cho anh Nguyễn Văn T nên bà không đề nghị chia thừa kế đối với thửa đất này.

- Ngoài ra bà không có đề nghị gì khác.

Tại phiên toà Bà Tkhông yêu cầu đối với công sức duy trì và phát triển khối tài sản.

## 2. Chị Nguyễn Thị L.

Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị L trình bày:

Bố đẻ chị là ông Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1948, chết năm 2014; mẹ đẻ chị là bà Bùi Thị Th, sinh năm 1948. Bố mẹ chị có 04 người con chung gồm:

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; HKTT: Khu 2, xã Chu H, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; HKTT: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; HKTT: Khu Minh T, xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1983; HKTT: Khu 17, xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ.

Ngoài ra bố mẹ chị không có con chung, con nuôi, con riêng nào. Bố, mẹ đẻ của ông T đã chết từ lâu và ông Tkhông có cha nuôi, mẹ nuôi nào khác.

Lúc bố chị còn sống, bố mẹ chị có tài sản chung là thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ và thửa đất số 166, tờ bản đồ số 46, diện tích 360m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

Năm 2014, bố chị chết không để lại di chúc. Mẹ chị đã cho anh Nguyễn Văn T thừa kế 01 thửa đất diện tích 360m<sup>2</sup> còn 01 thửa đất bên cạnh mang tên hộ bà Bùi Thị Th. Đến tháng 3, năm 2022 thì xảy ra tranh chấp vì mẹ chị muốn cho 2 con gái là Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị L nhưng anh T không đồng ý và đòi chia để hưởng thừa kế.

Nay chị đề nghị chia di sản thừa kế do bố chị để lại là ½ diện tích đất 190m<sup>2</sup>, thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ cho hàng thừa kế thứ nhất gồm Bà Bùi Thị Th, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị L, anh Bùi Thị Kim Th. Đối với phần di sản thừa kế mà chị được hưởng thì chị đề nghị giao cho chị Nguyễn Thị L sử dụng. Ngoài ra chị không có đề nghị gì khác.

## 3. Anh Bùi Thị Kim Th.

Tại bản tự khai anh Bùi Thị Kim Th trình bày:

- Bố đẻ anh là ông Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1948, chết năm 2014; mẹ đẻ anh là bà Bùi Thị Th, sinh năm 1948. Bố mẹ chị có 04 người con chung gồm:

- 1 Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; HKTT: Khu 2, xã Chu H, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

- 2 Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; HKTT: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm

T, tỉnh Phú Thọ.

3 Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; HKTT: Khu Minh T, xã Minh Đ, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ.

4 Anh Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1983; HKTT: Khu 17, xã Phú H, thị xã Phú T, tỉnh Phú Thọ.

Ngoài ra bố mẹ anh không có con chung, con nuôi, con riêng nào. Bố, mẹ đẻ của ông T đã chết từ lâu và ông T không có cha nuôi, mẹ nuôi nào khác.

Lúc bố anh còn sống, bố mẹ anh có tài sản chung là thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ và thửa đất số 166, tờ bản đồ số 46, diện tích 360m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

Năm 2014, bố anh chết không để lại di chúc. Mẹ anh đã cho anh Nguyễn Văn T thừa kế 01 thửa đất diện tích 360m<sup>2</sup> còn 01 thửa đất bên cạnh mang tên hộ bà Bùi Thị Th. Đến tháng 3, năm 2022 thì xảy ra tranh chấp vì mẹ chị muốn cho 2 con gái là Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị L nhưng anh T không đồng ý và đòi chia để hưởng thừa kế.

Nay anh đề nghị chia di sản thừa kế do bố anh để lại là ½ diện tích đất 190m<sup>2</sup>, thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ cho hàng thừa kế thứ nhất gồm Bà Bùi Thị Th, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị L, anh Bùi Thị Kim Th. Đối với phần di sản thừa kế mà anh được hưởng thì anh đề nghị giao cho chị Nguyễn Thị L sử dụng. Ngoài ra anh không có đề nghị gì khác.

#### **Người làm chứng:**

- Chị Bùi Thị Kim Th trình bày:

Chị là vợ anh Nguyễn Văn T. Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn T đang giải quyết tranh chấp thừa kế tại Tòa án nhân dân huyện Lâm T đối với thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ thì quan điểm của chị là: Việc phân chia di sản thừa kế chị không có ý kiến gì. Đối với công sức cải tạo đất, khu chuồng trại chăn nuôi, 02 cây bưởi, 02 cây mít và các tài sản khác trên đất đều do một mình anh T tạo dựng nên, chị không liên quan đến các tài sản này. Chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2022 và quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 02/2022/QĐ-SCBSBA ngày 17/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ các Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của chị Nguyễn Thị L.

- Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup> (trong đó 190m<sup>2</sup> đất ở); địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ . Có các chỉ giới là 1, 2, 3, 4, 1. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo) và toàn bộ phần tường rào xây bao quanh đất cao 2,3m (cả móng), xây năm 1997 hết khấu hao.

- Chị Nguyễn Thị L phải thanh toán giá trị đất cho anh Nguyễn Văn T số tiền 123.500.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị L tự nguyện trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền cải tạo đất trị giá 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc anh Nguyễn Văn T phải tháo dỡ: 01 chuồng trại chăn nuôi, tường gạch cao 1,2m và lưới B40 bao quanh, mái lợp plover xi măng, kèo bằng sắt, có diện tích 33m<sup>2</sup>, xây năm 2014 và di chuyển 02 cây bưởi đường kính gốc 3cm; 02 cây mít, đường kính gốc 03cm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo, chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định của pháp luật.

**Kháng cáo:** Ngày 17/10/2022, anh Nguyễn Văn T gửi đơn kháng cáo không nhất trí về việc chia thừa kế thừa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup> địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ đứng tên Hộ bà Bùi Thị Th; Đề nghị cấp phúc thẩm không chia thừa kế cho chị L vì mảnh đất này lúc bố anh còn sống đã nói cho anh vì anh là con trưởng để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T đề nghị chia thừa kế diện tích đất trên cho anh 95m<sup>2</sup>.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo, đại diện viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 điều 148 BLTTDS, điểm a khoản 7 điều 27, khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm 01/2022/DS-ST ngày 03/10/2022 của TAND huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ về phần án phí: Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L xin chịu cả phần án phí dân sự sơ thẩm mà Chị L, Anh T phải chịu.

Chị Nguyễn Thị L phải chịu 18.050.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị L, anh Bùi Thị Kim Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân tỉnh Phú Thọ; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của anh Nguyễn Văn T trong hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Anh Nguyễn Văn T kháng cáo không nhất trí về việc chia thừa kế thừa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup> địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ đứng tên Hộ bà Bùi Thị Th; Đề nghị cấp phúc thẩm không chia thừa kế cho chị L vì mảnh đất này lúc bố anh còn sống đã nói cho anh vì anh là con trưởng để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T đề nghị chia thừa kế diện tích đất trên cho anh 95m<sup>2</sup>. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Ông Bùi Thị Kim Th và bà Bùi Thị Th là vợ chồng; Ông T và Bà T sinh được 04 (Bốn) người con gồm: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1976; Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; Anh Bùi Thị Kim Th, sinh năm 1983; Ngoài ra Ông T và Bà T không có con nuôi, con riêng nào khác; Bố, mẹ đẻ ông T cũng đã chết trước ông Thành.

Khi còn sống vợ chồng ông Bùi Thị Kim Th và bà Bùi Thị Th có tài sản chung là thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ và thửa đất số 166, tờ bản đồ số 46, diện tích 360m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ đã được UBND huyện Lâm T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Hộ bà Th. Ngoài ra Ông T và Bà T không còn tài sản gì khác.

Ngày 18/4/2014, ông T chết, trước khi chết không để lại di chúc gì. Đến ngày 27/01/2022 Bà T cùng Chị L, Anh T, Chị L, Anh T thống nhất cho anh T thừa đất số 166, tờ bản đồ số 46, diện tích 360m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ và anh T đã được UBND huyện Lâm T cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất; Nay các bên đều thừa nhận, không tranh chấp và không đề nghị xem xét giải quyết, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ, mặc dù ngày 27/01/2022 Bà T cùng Chị L, Anh T, Chị L, Anh T đã có văn bản thống nhất cho chị Nguyễn Thị L và chị Nguyễn Thị L được sử dụng. Nhưng anh T không đồng ý do vậy không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên chị L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T là ½ thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Tại phiên tòa phúc thẩm chị L xác định giấy thỏa thuận ngày 27/01/2022 Bà T cùng Chị L, Anh T, Chị L, Anh T đã lập cùng ký cho chị và chị L thửa đất trên không có giá trị pháp lý và chỉ nhất trí việc Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế của ông T để lại theo quy định của pháp luật.

Anh T không đồng ý chia vì anh cho rằng khi còn sống bố anh nói thửa đất này cũng cho anh để làm nơi thờ cúng bố mẹ, tổ tiên, việc nói trên có chú ruột anh biết. Nhưng anh cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm anh nhất trí chia thừa kế thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ nhưng anh đề nghị được hưởng ½ quyền sử dụng đất, còn lại ½ của Bà T cho ai là do bà quyết định.

Xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, Thời hiệu thừa kế, thời điểm mở thừa kế, di sản và hàng thừa kế đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy ngày 18/4/2014, ông Bùi Thị Kim Th chết, trước khi chết không để lại di chúc gì nên phần di sản của ông T để lại được xác định là ½ thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup>; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ, còn lại ½ là của bà Th. Do vậy 95 m<sup>2</sup> đất ở là di sản của ông T để lại được chia thừa kế theo pháp luật đều cho 05 người gồm: Bà Th, Chị L, anh T, Chị L, Anh T là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

Đối với phần tài sản chung Bà T được sử dụng là 95m<sup>2</sup> đất ở và phần di sản của Bà T được hưởng là 19m<sup>2</sup> đất ở, tổng diện tích Bà T được sử dụng là 95m<sup>2</sup> + 19m<sup>2</sup> = 114m<sup>2</sup>, Bà T đề nghị giao lại toàn bộ phần diện tích đất này cho chị L sử dụng. Đối với phần di sản chị Nguyễn Thị L, anh Bùi Thị Kim Th, mỗi người được hưởng 19m<sup>2</sup>, chị L và Anh T đều đề nghị Tòa án giao toàn bộ phần di sản được hưởng cho chị L được quyền sử dụng. Đề nghị của bà Th, chị L và Anh T là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho chị L được quyền sử dụng phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của Bà T và phần di sản được hưởng của bà Th, chị L và Anh T cho chị L là có căn cứ phù hợp với pháp luật.

Đối với phần di sản anh T được hưởng là 19m<sup>2</sup> đất ở. Theo Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ thì diện tích tối thiểu

được tách thửa đối với đất ở không nhỏ hơn 50m<sup>2</sup>, vì vậy tòa án cấp sơ thẩm đã giao 19m<sup>2</sup> đất ở cho chị L được sử dụng và chị L có trách nhiệm thanh toán cho anh T 19m<sup>2</sup> trị giá 123.500.000đ là phù hợp.

Đối với các tài sản trên đất, công sức duy trì và phát triển khối tài sản trên đất và chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Từ những phân tích trên nhận thấy kháng cáo của anh T là không có căn cứ, nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ đối với việc chia di sản thừa kế và giải quyết các tài sản trên đất, công sức cải tạo đất và lệ phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị L tự nguyện xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm mà anh Thiệm, chị L phải chịu theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Do vậy cần ghi nhận sự tự nguyện này và sửa phần án phí sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, điều 309 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS - ST ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ về phần án phí sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 609, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Điều 147, khoản 1 Điều 148; Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27; khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của chị Nguyễn Thị L.

Công nhận sự tự nguyện của bà Bùi Thị Th, chị Nguyễn Thị L, anh Bùi Thị Kim Th cho chị Nguyễn Thị L phần tài sản, di sản của bà Th; phần di sản của Chị L; phần di sản của Anh Tđược hưởng của ông Bùi Thị Kim Th.

- Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền sử dụng thửa đất số 287, tờ bản đồ số 46, diện tích 190m<sup>2</sup> đất ở ; địa chỉ: Khu 6, xã Sơn V, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ, trị giá 1.235.000.000đ (một tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu đồng). Có các chỉ giới là 1, 2, 3, 4, 1. (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo) và được sở hữu toàn bộ phần tường rào xây bao quanh đất cao 2,3m (cả móng), xây năm 1997 hết khấu hao.

- Chị Nguyễn Thị L phải thanh toán giá trị đất cho anh Nguyễn Văn T số tiền 123.500.000đ (Một trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị L tự nguyện trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền cải tạo đất trị giá 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc anh Nguyễn Văn T phải tháo dỡ: 01 chuồng trại chăn nuôi, tường gạch cao 1,2m và lưới B40 bao quanh, mái lợp plover xi măng, kèo bằng sắt, có diện tích 33m<sup>2</sup>, xây năm 2014 và di chuyển 02 cây bưởi đường kính gốc 3cm; 02 cây mít, đường kính gốc 03cm.

2. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản số tiền là 4.600.000đ. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Bà Bùi Thị Th được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn T phải nộp số tiền 6.175.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị L phải nộp toàn bộ án phí sơ thẩm phần của Chị L, Anh Tvà phần án phí của Chị L. Tổng là 18.050.000đ (Mười tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0002129 ngày 28/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Chị Lcòn phải nộp số tiền 17.750.000đ (Mười bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2020/0002310 ngày 09/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Lâm T;
- TAND huyện Lâm T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hà Giang**